

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (Đợt bổ sung)

**Thuộc dự án: thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai
thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh (đoạn qua xã Bình An)**

STT	Họ và Tên	Địa chỉ	Diện tích đất bồi thường (m²)						Diện tích đất công (m²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Giá trị về các chính sách hỗ trợ (đ)	Thưởng di dời (đ)	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đ)
			Tổng diện tích đất thu hồi	Đất Phi nông nghiệp		Đất Nông nghiệp									
				Tổng	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất nông nghiệp	Đất trồng lúa							
1	Hý A Sáng và Lý Sỹ Múi	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai									657,725,053	152,770,805		20,000,000	830,495,858
2	Chê Sập Dắt và Vòng Nhật Kiu	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai									44,928,000	34,318,944			79,246,944
3	Lầu A Cầu và Nguyễn Thị Lập	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai										49,119,002			49,119,002
4	Nguyễn Thế Dũng	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai									40,435,200	14,515,036			54,950,236
5	Lầu A Lục	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai										22,432,414			22,432,414
6	Lý Văn Hội và Nguyễn Như Ánh Ngọc	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai										19,510,507			19,510,507
7	Nguyễn Ngọc Tam	tổ 16, ấp 4, phường Dầu Giây, thành phố Đồng Nai										13,543,568			13,543,568
8	Trần Thị Thuý	91A đường Chiến Lược, khu phố 15, phường Bình Trị Đông, thành phố Hồ Chí Minh										11,546,076			11,546,076
9	Nguyễn Đăng Quang	Khu phố Kim Sơn, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai										11,054,245			11,054,245
10	Nguyễn Cẩm Tú	tổ 8, khu Bàu Cá, xã An Phước, thành phố Đồng Nai										55,208,957			55,208,957
11	Ngô Thanh Xuyên	4.08 Lô C đường số 16, KDC Him Lam, ấp 4B, xã Bình Hưng, thành phố Hồ Chí Minh										156,873,823			156,873,823
12	Nguyễn Thị Minh Hiền	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai									139,306,560	38,451,769			177,758,329
13	Đặng Văn Danh và Đoàn Thị Lâm Tuy Ny	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai									372,588,740	3,286,198			375,874,938
14	Mã Hồng Quang	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai										53,079,844			53,079,844

STT	Họ và Tên	Địa chỉ	Diện tích đất bồi thường (m²)						Diện tích đất công (m²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Giá trị về các chính sách hỗ trợ (đ)	Thưởng di dời (đ)	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đ)
			Tổng diện tích đất thu hồi	Đất Phi nông nghiệp		Đất Nông nghiệp									
				Tổng	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất nông nghiệp	Đất trồng lúa							
15	Nguyễn Thị Giữ (Tài xây tạo lập trên đất UBND xã Bình An)	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai										59,909,686			59,909,686
16	Lê Ngọc Tuấn (Tài sản xây dựng trên đất ông (bà) Lý Văn Hội - Nguyễn Như Ánh Ngọc)	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai									47,520,000				47,520,000
17	Vòng A Há	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai											94,920,000		94,920,000
Tổng cộng (II)			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0	1,302,503,553	695,620,874	94,920,000	20,000,000	2,113,044,427
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:															2,113,044,427
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%															73,956,555
Trong đó:															
- Kinh phí cho UBND xã Bình An (0,525%)															11,093,483
- Kinh phí cho TTPTQĐ CNLT (2,975%)															62,863,072
Tổng cộng (1+2):															2,187,000,982
Bảng chữ: Hai tỷ, một trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi hai đồng./.															